

Số:128 /2020/QĐST-HNGĐ

L, ngày 29 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 287/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Đặng Văn P - Sinh năm: 1970 và bà Huỳnh Thị N- Sinh năm: 1977. Cùng nơi cư trú: Tổ 02, phường H, quận L, TP. Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Văn P và bà Huỳnh Thị N kết hôn vào năm 200; có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, TP. Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng P sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Ông bà đều xác định không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông P và bà N đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Ông Đặng Văn P và bà Huỳnh Thị N thống nhất thỏa thuận, bà Huỳnh Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 con chung Đặng Thị Thu H – sinh ngày 11.3.2003, Đặng Thị Bảo N – sinh ngày 17.8.2010, Đặng Hữu P – sinh ngày 11.02.2016, Đặng Thị Thu N – sinh ngày 19.01.2018. Ông Đặng Văn P cấp dưỡng nuôi con 04 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng.

Đối với con chung Đặng Thị Thu T – sinh ngày 03.10.1998 đã thành niên nên không đề cập Tòa án giải quyết.

Xét sự thỏa thuận của ông P và bà N đảm bảo quyền lợi của con chung, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về quan hệ chia tài sản: Ông P và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ ông bà.

[4] Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông P và bà Nchịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Đặng Văn P và bà Huỳnh Thị Nthống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về quan hệ nuôi con chung:* Giao 04 con chung Đặng Thị Thu H – sinh ngày 11.3.2003, Đặng Thị Bảo N – sinh ngày 17.8.2010, Đặng Hữu P – sinh ngày 11.02.2016, Đặng Thị Thu N – sinh ngày 19.01.2018 cho bà Ntrực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*). Ông P có Nvụ cấp dưỡng nuôi 04 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*) (*mỗi con chung 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng*). Thời gian thực hiện Nvụ cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*).

Đối với con chung Đặng Thị Thu T– sinh ngày 03.10.1998 đã thành niên nên không đề cập giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Các bên đương sự có mọi quyền và Nvụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ chia tài sản:* Ông Đặng Văn P và bà Huỳnh Thị Nkhông yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ ông bà.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) ông P và bà Nphải chịu, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004553 ngày 08 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L. Ông P và bà Nđã nộp đủ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND. quận L;
- CCTHADS. quận L;
- UBND P.T Đ; Q. T, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Thủy

